

Số: **474** /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày **04** tháng **3** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản
phân tán, nhỏ lẻ tỉnh Phú Thọ**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả khoan định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ gồm 02 khu vực thuộc tỉnh Phú Thọ (có danh sách khu vực khoáng sản và bản đồ kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức hướng dẫn, theo dõi quá trình thực hiện, định kỳ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm:

1. Căn cứ khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ được công bố kèm theo Quyết định này để bổ sung, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản và thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản. Việc cấp giấy phép khai thác chỉ thực hiện sau khi có trữ lượng, thiết kế cơ sở khai thác khoáng sản được phê duyệt theo quy định.

2. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp phép hoạt động khoáng sản phải đảm bảo có đủ nguồn lực về vốn, công nghệ, thiết bị để khai thác, chế biến, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường; tổ chức thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường sau khai thác theo quy định; quản lý, giám sát tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện các biện pháp kỹ thuật để quản lý chất thải rắn, lỏng, khí khi thải ra môi trường phải tuân thủ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam.

3. Việc cấp phép hoạt động khoáng sản phải đảm bảo không thuộc khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 28 Luật khoáng sản; không thuộc khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng tự nhiên.

4. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý, cấp phép thăm dò, khai thác; hoạt động khai thác khoáng sản và công tác bảo vệ môi trường tại khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

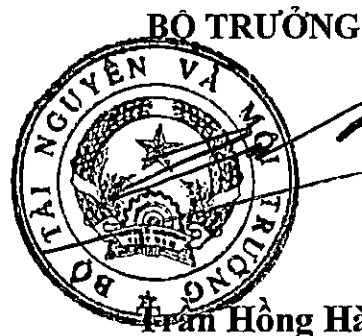
Chánh Văn phòng Bộ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND tỉnh Phú Thọ;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐCKS.

M

e

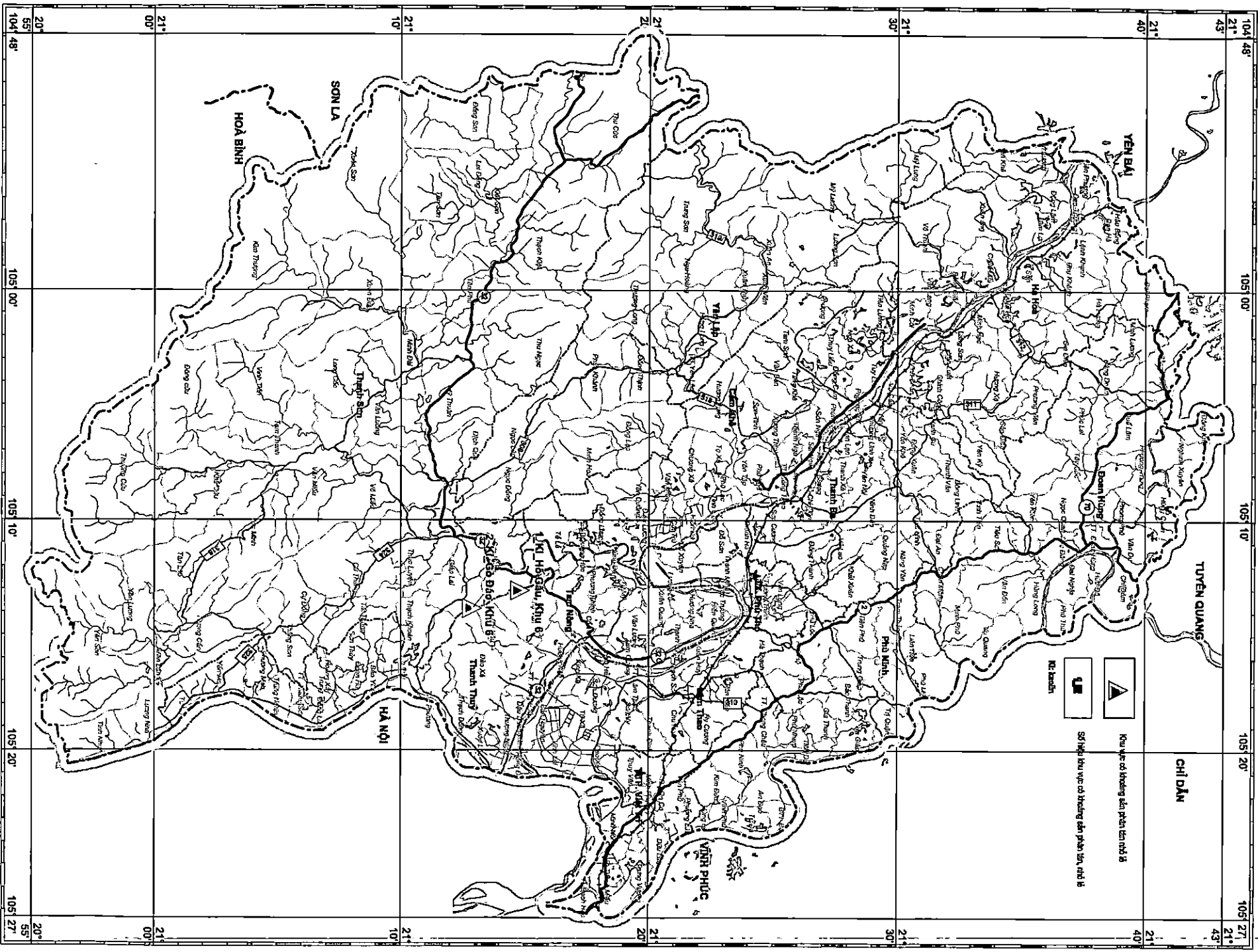




TỈNH PHÚ THỌ

(Kèm theo Quyết định số **474**/QĐ-BTNMT ngày **04** tháng **3** năm 2019)

| TT | Ký hiệu KS | Tên KS | Tên khu vực KSNL | Ký hiệu trên BĐ | Xã | Huyện | Tọa độ X (m) tính | Tọa độ Y (m) tính | Diện tích (ha) | Ghi chú |
|--|------------|--------|------------------|-----------------|----------|-----------|-------------------|-------------------|----------------|--|
| KHU VỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG BỐ CÓ KHOÁNG SẢN PHÂN TÁN, NHỎ LẺ | | | | | | | | | 14,00 | |
| 1 | K1 | Kaolin | Gò Đáo khu 6 | 1 | Giáp Lai | Thanh Sơn | 2346910 | 549826 | 7,84 | Tỉnh đề nghị phù hợp tài liệu địa chất |
| | | | | | | | 2346969 | 549932 | | |
| | | | | | | | 2346905 | 549942 | | |
| | | | | | | | 2346878 | 549953 | | |
| | | | | | | | 2346851 | 549971 | | |
| | | | | | | | 2346824 | 549991 | | |
| | | | | | | | 2346788 | 550010 | | |
| | | | | | | | 2346745 | 550031 | | |
| | | | | | | | 2346673 | 550055 | | |
| | | | | | | | 2346595 | 550011 | | |
| | | | | | | | 2346521 | 549963 | | |
| | | | | | | | 2346410 | 549881 | | |
| | | | | | | | 2346426 | 549827 | | |
| 2346553 | 549847 | | | | | | | | | |
| 2 | K1 | Kaolin | Hố Gấu khu 6 | 2 | Thọ Văn | Tam Nông | 2350398 | 548453 | 6,16 | Tỉnh đề nghị phù hợp tài liệu địa chất |
| | | | | | | | 2350413 | 548633 | | |
| | | | | | | | 2350164 | 548667 | | |
| | | | | | | | 2350058 | 548595 | | |
| | | | | | | | 2350048 | 548508 | | |
| 2350328 | 548443 | | | | | | | | | |

ĐỒ BẢN VỊ THỊ CÁC KHU VỰC CÓ KHUANG SẢN PHÂN TÁN NHO LÊN TỈNH PHỤ THẠO



-  Khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ là
-  Số hiệu khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ là

TỶ LỆ 1:250.000

2.5 0 2.5 5 7.5 10 12.5km

1cm trên bản đồ bằng 2.5km ngoài thực tế

